

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN – HÀ NỘI**

Số: 34 /2020/CV - SHS

(Công bố danh mục chứng khoán
sàn HSX thực hiện giao dịch ký quỹ
quý I/2020 tại SHS từ ngày 07/01/2020)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2020

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
2. Mã chứng khoán: SHS
3. Mã thành viên: 069
4. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1-5, Toà nhà Unimex Hà Nội, số 41, Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Hà Nội
5. Điện thoại: 024.38.181888 Fax: 024.38.181688
6. Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Đức Tiến – Tổng Giám đốc đồng thời là Người đại diện theo pháp luật
7. Loại thông tin công bố: Bất thường
8. Nội dung của thông tin công bố:
- Danh mục chứng khoán sàn HSX thực hiện giao dịch ký quỹ quý I/2020 tại SHS từ ngày 07/01/2020.
9. Địa chỉ website đăng tải thông tin công bố:
<https://www.shs.com.vn/News/202017/1010296/shs-danh-muc-chung-khoan-san-hsx-thuc-hien-giao-dich-ky-quy-quy-i-2020-ap-dung-tu-07-01-2020.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT, P.PC&QTRR.

CÔNG TY CPCK SÀI GÒN – HÀ NỘI



VŨ ĐỨC TIẾN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
SÀI GÒN-HÀ NỘI

Số: 03 /2020/QĐ-TGD

Hà Nội, ngày 07 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

(V/v: Công bố danh mục chứng khoán sàn HSX thực hiện giao dịch ký quỹ Quý I/2020
tại SHS từ 07/01/2020)

TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN SÀI GÒN-HÀ NỘI

- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 được Quốc hội nước CHXHCNVN thông qua ngày 29/06/2006 và các văn bản sửa đổi, bổ sung và hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ Thông tư số 203/2015/TT-BTC ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về giao dịch trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Quyết định số 87/QĐ-UBCK ngày 25/01/2017 của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về việc ban hành Quy chế hướng dẫn giao dịch ký quỹ chứng khoán;
- Căn cứ thông báo của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh về danh sách chứng khoán không đủ điều kiện giao dịch ký quỹ;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Danh mục chứng khoán sàn HSX thực hiện giao dịch ký quỹ Quý I/2020 tại SHS từ ngày 07/01/2020”. Danh mục này bao gồm 275 mã chứng khoán, chi tiết theo Phụ lục đính kèm. Thay đổi mã chứng khoán so với quyết định trước: thêm 2 mã (HAI, HVN).

Điều 2. Quyết định này thay thế cho Quyết định số 179/2019/QĐ-TGD ngày 26 tháng 11 năm 2019 của Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn-Hà Nội về phần danh mục chứng khoán sàn HSX thực hiện giao dịch ký quỹ tại SHS.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các thành viên Ban Tổng Giám đốc, các Phòng ban có liên quan, các chi nhánh Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu VT.



Vũ Đức Tiến



PHỤ LỤC
DANH MỤC CHỨNG KHOÁN SÀN HSX THỰC HIỆN GIAO DỊCH KÝ QUỸ
ÁP DỤNG TỪ NGÀY 07/01/2020

STT	Mã
1	AAA
2	ABT
3	ACC
4	ADS
5	AMD
6	ANV
7	APC
8	APG
9	ASM
10	ASP
11	AST
12	BBC
13	BCE
14	BCG
15	BFC
16	BIC
17	BID
18	BMC
19	BMI
20	BMP
21	BRC
22	BSI
23	BTP
24	BTT
25	BVH
26	BWE
27	C32
28	C47
29	CAV
30	CDC
31	CHP
32	CII
33	CLC
34	CLL
35	CMG
36	CNG
37	COM

STT	Mã
38	CRC
39	CSM
40	CSV
41	CTD
42	CTG
43	CTI
44	CTS
45	CVT
46	D2D
47	DAG
48	DAH
49	DBC
50	DBD
51	DCM
52	DGW
53	DHA
54	DHC
55	DHG
56	DHM
57	DIG
58	DLG
59	DMC
60	DPG
61	DPM
62	DPR
63	DRC
64	DRH
65	DRL
66	DSN
67	DTA
68	DVP
69	DXG
70	EIB
71	ELC
72	EVE
73	EVG
74	FCN

STT	Mã
75	FIR
76	FIT
77	FLC
78	FMC
79	FPT
80	FRT
81	FTS
82	GAS
83	GDT
84	GEX
85	GMC
86	GMD
87	GSP
88	GTN
89	HAH
90	HAI
91	HAP
92	HAR
93	HAX
94	HBC
95	HCD
96	HCM
97	HDB
98	HDC
99	HDG
100	HHS
101	HII
102	HPG
103	HPX
104	HQC
105	HSG
106	HSL
107	HT1
108	HTI
109	HTL
110	HTV
111	HU3

STT	Mã
112	HVH
113	HVN
114	IBC
115	IDI
116	IJC
117	IMP
118	ITA
119	ITC
120	ITD
121	KBC
122	KDC
123	KDH
124	KMR
125	KSB
126	L10
127	LBM
128	LCG
129	LDG
130	LGC
131	LGL
132	LHG
133	LIX
134	LM8
135	LMH
136	LSS
137	MBB
138	MDG
139	MHC
140	MSH
141	MSN
142	MWG
143	NAF
144	NBB
145	NCT
146	NKG
147	NLG
148	NNC



STT	Mã
149	NSC
150	NT2
151	NTL
152	NVL
153	OPC
154	PAC
155	PAN
156	PC1
157	PDN
158	PDR
159	PET
160	PGC
161	PGD
162	PGI
163	PHC
164	PHR
165	PJT
166	PLP
167	PLX
168	PME
169	PNJ
170	POW
171	PPC
172	PTB
173	PVD
174	PVT
175	RAL
176	RDP
177	REE
178	ROS
179	S4A
180	SAB

STT	Mã
181	SAM
182	SBA
183	SBT
184	SBV
185	SC5
186	SCD
187	SCR
188	SCS
189	SFC
190	SFG
191	SFI
192	SHA
193	SHI
194	SHP
195	SII
196	SJD
197	SJF
198	SJS
199	SKG
200	SMB
201	SMC
202	SPM
203	SRC
204	SRF
205	SSC
206	SSI
207	ST8
208	STB
209	STG
210	STK
211	SVC
212	SVI

STT	Mã
213	SZL
214	TAC
215	TBC
216	TCB
217	TCD
218	TCH
219	TCL
220	TCM
221	TCO
222	TCT
223	TDC
224	TDG
225	TDH
226	TDM
227	TDW
228	TEG
229	THG
230	THI
231	TIP
232	TLD
233	TLH
234	TMP
235	TMS
236	TNA
237	TNC
238	TNI
239	TPB
240	TPC
241	TRC
242	TSC
243	TTB
244	TV2

STT	Mã
245	TVS
246	TVT
247	TYA
248	UIC
249	VAF
250	VCB
251	VCI
252	VDP
253	VDS
254	VFG
255	VGC
256	VHC
257	VHM
258	VIC
259	VJC
260	VMD
261	VND
262	VNE
263	VNM
264	VNS
265	VPB
266	VPH
267	VPI
268	VPS
269	VRC
270	VRE
271	VSC
272	VSH
273	VSI
274	VTO
275	YBM

